**BÀI BÀO CHỮA CỦA LUẬT SƯ NGUYỄN VĂN PHƯỚC (ĐOÀN LUẬT SƯ THỪA THIÊN- HUẾ) CHO BỊ CÁO ĐÀO THỊ HỒNG (Phiên tòa sơ thẩm ngày 30/8/2010)**

**\***

**I. TÓM TẮT VỤ ÁN**

Vào năm 2007, nhóm hộ trồng rừng gồm các ông Hồ Thanh Xuân, Lê Cương, Nguyễn Bặm do ông Hồ Thanh Xuân làm nhóm trưởng (gọi tắt là nhóm hộ ông Xuân) có ý định bán các lô rừng A1, A2, A3 có diện tích 10ha trồng năm 1995 theo dự án 327. Biết nhóm hộ này bán rừng, ngày 25/12/2007 Hoàng Trọng Độ và Đào Thị Hồng (hai người vốn làm ăn chung với nhau trong công việc kinh doanh gỗ rừng trồng từ năm 2002) đã cùng ông Xuân, Cương, Bặm lên các lô rừng nói trên để xem thực địa.

Xem rừng xong mọi người về tại quán ông Hồ Thanh Quang (con ông Xuân) để tiến hành giao dịch mua bán rừng trồng. Tại đây mọi người thoả thuận mua bán với giá 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng) thoả thuận trả trước 300 triệu, nợ lại 40 triệu sẽ trả trước khi khai thác. Cùng ngày nhóm hộ nhận trước tiền cọc 50 triệu đồng, hẹn trong tuần sẽ trả tiếp số tiền 250 triệu đồng còn lại. Việc đặt cọc tiền được lập thành văn bản và do ông Hồ Thanh Xuân đại diện nhóm hộ ký xác nhận.

Ngày 30/12/2007 Hoàng Trọng Độ và Đào Thị Hồng cùng đi xe ô tô đến nhà ông Hồ Thanh Xuân trả tiếp 250 triệu đồng. Khi đầy đủ các chủ rừng, ông Hoàng Trọng Độ ra xe ô tô lấy tiền để giữa bàn, Đào Thị Hồng đẩy bọc tiền sang cho ông Lê Cương đếm. Trong lúc ông Lê Cương đếm tiền, ông Hoàng Trọng Độ viết vào dưới góc trái giấy nhận tiền ngày 25/12/2007 nội dung: *“Ngày 30/12/2007 nhận thêm 250.000.000đồng”* rồi đưa cho ông Hồ Thanh Xuân đọc. Ông Xuân hỏi: “Nhận tiền của ai ?” thì ông Hoàng Trọng Độ viết thêm vào giấy nhận tiền nội dung: *“Nhận tiền anh Hoàng Độ”*. Khi ông Lê Cương xác nhận đã đếm đủ tiền, ông Hồ Thanh Xuân viết thêm: *“Đã nhận đủ tiền 250.000.000đồng”* và ký tên vào.

Ngày 17/7/2009, nhóm hộ ông Xuân được UBND huyện Hải Lăng cho phép khai thác 50ha rừng trồng tại vùng phía Nam chân đồi Bốn Vú – Dốc Dũi, trong đó có 10ha tại các lô A1, A2, A3 vùng rừng trồng năm 1995. Ngày 22/8/2009, ông Độ một mình về nhóm hộ ông Xuân ký "giấy bán rừng trồng" mua bán lô rừng 10 ha dự án 327 trồng năm 1995.

Biết nhóm hộ ông Xuân đã lập giấy mua bán rừng với riêng mình ông Độ, Hồng đã về nhà ông Xuân đề nghị gọi ông Độ về để giải quyết sự việc. Do ông Độ cố tình trốn tránh không chịu gặp mặt nhóm hộ và Hồng để giải quyết sự việc, nên ngày 05/9/2009 nhóm hộ ông Xuân đã phải làm giấy xác nhận việc mua bán rừng của Hồng và ông Độ với nhóm hộ (có chứng thực của UBND xã Hải Thượng), đưa cho Hồng một bộ hồ sơ về thủ tục khai thác rừng.

Ngày 12/9/2009, Đào Thị Hồng làm lễ cúng rừng để khai thác rừng, Hồng có điện nhờ ông Hồ Thanh Xuân lên cúng rừng nhưng ông Xuân từ chối với lý do “ngày trùng tang”. Ngày 14/9/2009, Đào Thị Hồng tiến hành khai thác rừng. Cụ thể: Ngày 17/9/2009 thuê ông Nguyễn Văn Hòa cùng nhân công khai thác ở lô A2, đồng thời thuê xe ô tô của ông Lê Phước Nhàn tăng bo gỗ đến địa điểm tập kết cách nơi khai thác khoảng 600m về phía Bắc. Cuối ngày 17/9/2009, chở một chuyến gỗ vanh gồm 50 khúc (04m3 rỗng) về đổ ở xưởng cưa của Hồng tại Hải Thượng. Ngày 18/9/2009, Đào Thị Hồng thuê xe ô tô của Đào Thị Hằng vận chuyển 21,05m3 gỗ đi tiêu thụ thì bị Kiểm Lâm tạm giữ xe cùng tang vật vì thiếu thủ tục theo quy định. Cũng trong ngày 18/9/2009, Hoàng Trọng Độ đã đến Công an Huyện Hải Lăng trình báo rằng Hồng ăn trộm rừng của ông.

Ngày 18/11/2009 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Lăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự "Trộm cắp tài sản" liên quan đến lô rừng nói trên của nhóm hộ ông Hồ Thanh Xuân. Đến ngày 22/01/2010 VKSND huyện Hải Lăng đã ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can về tội "Trộm cắp tài sản" theo **Khoản 3 Điều 138** BLHS và bắt tạm giam Đào Thị Hồng với thời hạn là 04 tháng

Bản kết luận điều tra số 07/KLĐT ngày của cơ quan điều tra công an huyện Hải Lăng 16/3/2010 kết luận Đào Thị Hồng chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo **Khoản 1 Điều 138 BLHS**.

Theo Kết luận định giá số 09a/KL-HĐĐG ngày 09/3/2010 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Lăng kết luận: Trị giá tài sản là gỗ rừng trồng đã khai thác trên diện tích 0,4ha tại thời điểm xảy ra vụ án từ 14/9/2009 đến ngày 18/9/2009 là 32.330.115 đồng, trong đó có khối lượng 04m3 gỗ vanh mà Đào Thị Hồng chuyển về xưởng cưa có trị giá 2.436.000 đồng.

Ngày 12/4/2010 VKSND huyện Hải Lăng đã truy tố bị cáo Đào Thị Hồng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Trong quá trình điều tra, Đào Thị Hồng luôn kêu oan và khẳng định các lô rừng nói trên là của mình. Quá trình mua bán, ông Độ chỉ là người đi theo, còn việc giao dịch, thỏa thuận giá cả là quyết định của mình; việc đặt cọc số tiền 50 triệu đồng vào ngày 25/12/2007 và trả cho nhóm hộ 250 triệu vào ngày 31/12/2007 (chứ không phải là ngày 30/12/2007 như ghi trong giấy nhận tiền) đều do Hồng trực tiếp thực hiện; toàn bộ số tiền 300 triệu đồng này là tiền Hồng vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Hải Lăng.

**Trong khi đó, cáo trạng Viện kiểm sát** cho rằng nội dung mà Đào Thị Hồng nêu là không có cơ sở. Vì kết quả điều tra cho thấy, ngày 25/12/2007 tại nhà anh Hồ Thanh Quang, ông Độ là người trực tiếp thỏa thuận giá cả và đặt cọc 50 triệu đồng mà không có mặt Hồng. Đối với số tiền 250 triệu đồng, Hồng nói rằng Hồng vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Hải Lăng ngày 31/12/2007 để giao cho nhóm hộ nhưng nhóm hộ khẳng định rằng nhận 250 triệu vào ngày 30/12/2007. Nội dung giấy xác nhận viết ngày 05/9/2009 là không đúng thực tế. Đồng thời vì Hồng khóc lóc năn nỉ nên nhóm hộ mới viết giấy. Về hồ sơ khai thác, Hồng nói mượn ở ông Cương 1 bộ hồ sơ gốc là không đúng, ông Cương chỉ cho Hồng mượn 1 bộ hồ sơ bản sao có chứng thực chứ không phải hồ sơ gốc.

Vào các ngày 27, 28 và 30/8/2010, Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đã đưa ra xét xử vụ án trên.

**II. QUAN ĐIỂM BUỘC TỘI**

**III. BÀI BÀO CHỮA CỦA LUẬT SƯ NGUYỄN VĂN PHƯỚC (ĐOÀN LUẬT SƯ THỪA THIÊN- HUẾ) CHO BỊ CÁO ĐÀO THỊ HỒNG (phiên tòa sơ thẩm ngày 30/8/2010)**

*Kính thưa Hội đồng xét xử, vị đại diện Viện kiểm sát và các luật sư đồng nghiệp!*

Tôi, Luật sư Nguyễn Văn Phướcthuộc Văn phòng luật sư Huế (Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên- Huế), là người bào chữa cho bị cáo Đào Thị Hồng bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng truy tố về tội: ***"Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự*** tại phiên toà hôm nay.

"*Trong suốt quá trình điều tra vụ án bị can Đào Thị Hồng luôn phủ nhận hành vi phạm tội của mình nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh mình không phạm tội"*. Lời nhận định của Bản kết luận điều tra Công an huyện Hải Lăng trái với nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 10 của Bộ luật Tố tụng Hình sự là: “*Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội*”. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc truy tố oan đối với bị cáo Đào Thị Hồng mà tôi sẽ trình bày sau đây:

1. **Tóm tắt nội dung vụ án**

Vào năm 2007, nhóm hộ trồng rừng gồm các ông Hồ Thanh Xuân, Lê Cương, Nguyễn Bặm do ông Hồ Thanh Xuân làm nhóm trưởng (gọi tắt là nhóm hộ ông Xuân) có ý định bán các lô rừng A1, A2, A3 có diện tích 10ha trồng năm 1995 theo dự án 327. Biết nhóm hộ này bán rừng, ngày 25/12/2007 Hoàng Trọng Độ và Đào Thị Hồng (hai người vốn làm ăn chung với nhau trong công việc kinh doanh gỗ rừng trồng từ năm 2002) đã cùng ông Xuân, Cương, Bặm lên các lô rừng nói trên để xem thực địa.

Xem rừng xong mọi người về tại quán ông Hồ Thanh Quang (con ông Xuân) để tiến hành giao dịch mua bán rừng trồng. Tại đây mọi người thoả thuận mua bán với giá 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng) thoả thuận trả trước 300 triệu, nợ lại 40 triệu sẽ trả trước khi khai thác. Cùng ngày nhóm hộ nhận trước tiền cọc 50 triệu đồng, hẹn trong tuần sẽ trả tiếp số tiền 250 triệu đồng còn lại. Việc đặt cọc tiền được lập thành văn bản và do ông Hồ Thanh Xuân đại diện nhóm hộ ký xác nhận.

Ngày 30/12/2007 Hoàng Trọng Độ và Đào Thị Hồng cùng đi xe ô tô đến nhà ông Hồ Thanh Xuân trả tiếp 250 triệu đồng. Khi đầy đủ các chủ rừng, ông Hoàng Trọng Độ ra xe ô tô lấy tiền để giữa bàn, Đào Thị Hồng đẩy bọc tiền sang cho ông Lê Cương đếm. Trong lúc ông Lê Cương đếm tiền, ông Hoàng Trọng Độ viết vào dưới góc trái giấy nhận tiền ngày 25/12/2007 nội dung: *“Ngày 30/12/2007 nhận thêm 250.000.000đồng”* rồi đưa cho ông Hồ Thanh Xuân đọc. Ông Xuân hỏi: “Nhận tiền của ai ?” thì ông Hoàng Trọng Độ viết thêm vào giấy nhận tiền nội dung: *“Nhận tiền anh Hoàng Độ”*. Khi ông Lê Cương xác nhận đã đếm đủ tiền, ông Hồ Thanh Xuân viết thêm: *“Đã nhận đủ tiền 250.000.000đồng”* và ký tên vào.

Ngày 17/7/2009, nhóm hộ ông Xuân được UBND huyện Hải Lăng cho phép khai thác 50ha rừng trồng tại vùng phía Nam chân đồi Bốn Vú – Dốc Dũi, trong đó có 10ha tại các lô A1, A2, A3 vùng rừng trồng năm 1995. Ngày 22/8/2009, ông Độ một mình về nhóm hộ ông Xuân ký "giấy bán rừng trồng" mua bán lô rừng 10 ha dự án 327 trồng năm 1995.

Biết nhóm hộ ông Xuân đã lập giấy mua bán rừng với riêng mình ông Độ, Hồng đã về nhà ông Xuân đề nghị gọi ông Độ về để giải quyết sự việc. Do ông Độ cố tình trốn tránh không chịu gặp mặt nhóm hộ và Hồng để giải quyết sự việc, nên ngày 05/9/2009 nhóm hộ ông Xuân đã phải làm giấy xác nhận việc mua bán rừng của Hồng và ông Độ với nhóm hộ (có chứng thực của UBND xã Hải Thượng), đưa cho Hồng một bộ hồ sơ về thủ tục khai thác rừng.

Ngày 12/9/2009, Đào Thị Hồng làm lễ cúng rừng để khai thác rừng, Hồng có điện nhờ ông Hồ Thanh Xuân lên cúng rừng nhưng ông Xuân từ chối với lý do “ngày trùng tang”. Ngày 14/9/2009, Đào Thị Hồng tiến hành khai thác rừng. Cụ thể: Ngày 17/9/2009 thuê ông Nguyễn Văn Hòa cùng nhân công khai thác ở lô A2, đồng thời thuê xe ô tô của ông Lê Phước Nhàn tăng bo gỗ đến địa điểm tập kết cách nơi khai thác khoảng 600m về phía Bắc. Cuối ngày 17/9/2009, chở một chuyến gỗ vanh gồm 50 khúc (04m3 rỗng) về đổ ở xưởng cưa của Hồng tại Hải Thượng. Ngày 18/9/2009, Đào Thị Hồng thuê xe ô tô của Đào Thị Hằng vận chuyển 21,05m3 gỗ đi tiêu thụ thì bị Kiểm Lâm tạm giữ xe cùng tang vật vì thiếu thủ tục theo quy định. Cũng trong ngày 18/9/2009, Hoàng Trọng Độ đã đến Công an Huyện Hải Lăng trình báo rằng Hồng ăn trộm rừng của ông.

Ngày 18/11/2009 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Lăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự "Trộm cắp tài sản" liên quan đến lô rừng nói trên của nhóm hộ ông Hồ Thanh Xuân. Đến ngày 22/01/2010 VKSND huyện Hải Lăng đã ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can về tội "Trộm cắp tài sản" theo **Khoản 3 Điều 138** BLHS và bắt tạm giam Đào Thị Hồng với thời hạn là 04 tháng

Bản kết luận điều tra số 07/KLĐT ngày của cơ quan điều tra công an huyện Hải Lăng 16/3/2010 kết luận Đào Thị Hồng chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo **Khoản 1 Điều 138 BLHS**.

Theo Kết luận định giá số 09a/KL-HĐĐG ngày 09/3/2010 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Lăng kết luận: Trị giá tài sản là gỗ rừng trồng đã khai thác trên diện tích 0,4ha tại thời điểm xảy ra vụ án từ 14/9/2009 đến ngày 18/9/2009 là 32.330.115 đồng, trong đó có khối lượng 04m3 gỗ vanh mà Đào Thị Hồng chuyển về xưởng cưa có trị giá 2.436.000 đồng.

Ngày 12/4/2010 VKSND huyện Hải Lăng đã truy tố bị cáo Đào Thị Hồng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Trong quá trình điều tra, Đào Thị Hồng luôn kêu oan và khẳng định các lô rừng nói trên là của mình. Quá trình mua bán, ông Độ chỉ là người đi theo, còn việc giao dịch, thỏa thuận giá cả là quyết định của mình; việc đặt cọc số tiền 50 triệu đồng vào ngày 25/12/2007 và trả cho nhóm hộ 250 triệu vào ngày 31/12/2007 (chứ không phải là ngày 30/12/2007 như ghi trong giấy nhận tiền) đều do Hồng trực tiếp thực hiện; toàn bộ số tiền 300 triệu đồng này là tiền Hồng vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Hải Lăng.

**Trong khi đó, cáo trạng Viện kiểm sát** cho rằng nội dung mà Đào Thị Hồng nêu là không có cơ sở. Vì kết quả điều tra cho thấy, ngày 25/12/2007 tại nhà anh Hồ Thanh Quang, ông Độ là người trực tiếp thỏa thuận giá cả và đặt cọc 50 triệu đồng mà không có mặt Hồng. Đối với số tiền 250 triệu đồng, Hồng nói rằng Hồng vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Hải Lăng ngày 31/12/2007 để giao cho nhóm hộ nhưng nhóm hộ khẳng định rằng nhận 250 triệu vào ngày 30/12/2007. Nội dung giấy xác nhận viết ngày 05/9/2009 là không đúng thực tế. Đồng thời vì Hồng khóc lóc năn nỉ nên nhóm hộ mới viết giấy. Về hồ sơ khai thác, Hồng nói mượn ở ông Cương 1 bộ hồ sơ gốc là không đúng, ông Cương chỉ cho Hồng mượn 1 bộ hồ sơ bản sao có chứng thực chứ không phải hồ sơ gốc.

Vào các ngày 27, 28 và 30/8/2010, Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đã đưa ra xét xử vụ án trên.

1. **Quan điểm bào chữa của luật sư**
	1. ***Về những vi phạm nghiêm trọng Luật tố tụng hình sự:***

***- Khởi tố bị can trước, định giá sau:*** Ngày 18/9/2009, ông Hoàng Trọng Độ có đơn trình báo công an huyện Hải Lăng bị mất trộm khoảng 1/2 ha rừng có trị giá khoảng 60 triệu đồng. Hồng đã bị khởi tố và bắt tạm giam vào ngày 23/01/2010, nhưng đến ngày 06/3/2010 công an huyện Hải Lăng mới ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản. Ngày 09/3/2010 mới có kết quả định giá toàn bộ 10ha rừng mà bị cáo định khai thác có giá trị 323.411.181 đồng trong đó số gỗ đã khai thác có trị giá là 32.330.115 đồng. Vậy, căn cứ vào đâu mà Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can theo Khoản 3 Điều 138 Bộ luật Tố tụng Hình sự khi chưa trưng cầu kết quả giám định ?

***- Về xử lý vật chứng:***

**+** Vật chứng là số lượng gỗ nguyên liệu và gỗ dân dụng thu được đã giao cho ông Hoàng Trọng Độ được xác định tư cách là người bị hại bảo quản. Do sợ hư hỏng nên cơ quan điều tra đã cho bán để tránh hư hỏng thiệt hại. Tuy nhiên, chủ thể đứng tên bên bán trong hợp đồng mua bán lại là Công ty TNHH MTV Hùng Dũng do ông Độ làm Giám đốc (trong khi việc tranh chấp lô rừng nói trên không liên quan gì đến công ty này).

***+*** Việc Cơ quan điều tra bảo bị cáo viết Giấy uỷ quyền cho Nguyễn Thị Khánh Linh- con ruột giao nộp vật chứng là 50 đốt gỗ đã giao cho bị cáo bảo quản cũng không đúng với quy định pháp luật. Nếu đó là tang vật vụ án thì cơ quan điều tra có quyền lập biên bản thu giữ, không việc gì phải viết giấy uỷ quyền.

***- Áp dụng biện pháp ngăn chặn:*** Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can theo khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự với thời hạn là 4 tháng. Sau đó, Bản kết luận điều tra kết luận bị cáo chỉ chịu trách nhiệm hình sự theo Khoản 1 Điều 138 (thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng). Bản kết luận điều tra cũng xác định nhân thân bị can chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là phụ nữ đơn thân, bản thân có bệnh đã phẫu thuật và đang điều trị và có con nhỏ chưa thành niên không ai chăm sóc. Bị cáo thuộc gia đình chính sách có công với cách mạng, có nơi cư trú rõ ràng và là Giám đốc một doanh nghiệp. Mặt khác, bị cáo chưa bao giờ có dấu hiệu bỏ trốn hoặc gây cản trở điều tra. Bố mẹ bị cáo cũng có đơn xin bảo lĩnh tại ngoại. Như vậy, theo quy định tại Điều 88 Bộ Luật Tố tụng Hình sự bị bị can Đào Thị Hồng không thuộc trường hợp phải áp dụng biện pháp tạm giam.

***- Quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai của người làm chứng:***

 Có dấu hiệu thiếu minh bạch và làm sai lệch hồ sơ vụ án. Thể hiện trong quá trình lấy lời khai của nhân chứng Lê Thị Hường, Kiểm sát viên phụ trách vụ án đã viết sẵn lời khai và đề nghị bà Hường ký vào nhưng bị bà Hường phản đối. Tại phiên toà hôm nay, một lần nữa, bà Hường khẳng định lại việc này với hội đồng xét xử.

* 1. ***Một số vấn đề về đánh giá chứng cứ trong vụ án***

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã không đánh giá đúng sự thật cũng như giá trị của các chứng cứ có ảnh hưởng đến sự thật khách quan của vụ án. Cụ thể:

***- Về hồ sơ khai thác rừng:*** Lời khai của ông Lê Cương được viện dẫn trong bản kết luận điều tra là chỉ đưa cho Hồng một bộ photo có chứng thực (trừ thông báo của UBND nhân dân huyện và biên bản thẩm định của phòng NN&PTNT) là không đúng với sự thật. Sự thật là ông Cương đã giao cho Hồng một bộ hồ sơ gốc trước ngày lên mở cửa rừng 3 ngày và trả lại bản gốc cho ông Cương sau 20 ngày. Điều này được thể hiện trong nội dung Giấy xác nhận của Phan Thị Thuỳ, và hồ sơ khai thác rừng mà Hồng đang giữ đồng thời đã nộp cho cơ quan điều tra 1 bộ bản sao có chứng thực của UBND xã Hải Phú.

***- Về Giấy xác nhận ngày 5/9/2009***: Theo như VKS viện dẫn trong cáo trạng là ông Cương thừa nhận là người trực tiếp viết giấy nhưng do trình độ hiểu biết hạn chế nên diễn đạt sai nội dung. Điều này là không thể chấp nhận được, bởi lẽ, nội dung trong giấy này là rõ ràng và không thể gây nhầm lẫn. Đặc biệt khi giữa bà Hồng và ông Độ đã xảy ra tranh chấp và nhiều lần yêu cầu nhóm hộ đứng ra giải quyết. Mặt khác trong **biên bản đối chất** ông Bặm khai là trước khi ký giấy xác nhận bà Hồng nói với ông Bặm là trả 40 triệu còn lại. Ông Bặm trả lời *"rứa thì tốt"*. Thời điểm ký giấy ông Bặm không biết là Hồng và Độ có xích mích với nhau. Nếu biết thì ông không ký vào giấy mà để xem đúng hay sai đã, kể cả Độ và Hồng. Rõ ràng ý thức của nhóm hộ là bán cho cả 2 người và đã viết giấy xác nhận cho 2 người. Tại **Bút lục 304** ông Xuân khai: *“Ý thức chủ quan của tôi là nghĩ họ mua chung vì vậy mới viêt giấy xác nhận nêu trên cho bà Hồng".* Chấp nhận việc bà Hồng khai thác, sau khi cúng rừng ông Xuân đã nghĩ rằng vì *"giò xấu nó chưa làm nên chưa trả 40 triệu cho tôi"* (xem ngày, sự việc tốt xấu theo tục xem "chân gà" chân của con gà trống dùng khi cúng tế).

Rõ ràng Giấy xác nhận này đã được 3 ông: Xuân, Cương, Bặm ký, ghi rõ họ tên là hoàn hợp pháp, vì họ có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự khi giao dịch, không bị ai đe dọa, cưỡng bức buộc họ trái pháp luật, đã được UBND xã Hải Thượng xác nhận ngày 17/9/2009 do ông Đào Duy Hợp- Chủ tịch ký.

***- Về tính hợp pháp của Giấy nhận tiền ngày 25/9/2007 và Giấy bán rừng trồng ngày 22/8/2009:***

+ ***Giấy nhận tiền ngày 25/12/2007*** do Độ viết có thêm dòng chữ *"ngày 30/12/2007 nhận thêm 250.000.000đ*" và chèn vào dòng chữ *"nhận tiền anh Hoàng Độ"* vào khoảng trống giữa các dòng chữ trong Giấy nhận tiền bằng nét chữ nhỏ hơn với màu mực khác. Tại **BL 331, 337** ông Cương khai rằng: *"Việc ông Độ ghi thêm vào giấy nhận tiền ngày 25/12/2007 tôi không biết"*. Trả lời phóng viên đài phát thanh truyền hình Quảng Trị ngày 20/4/2010, nhóm hộ cả ba người (ông Bặm, ông Xuân, ông Cương) đều thừa nhận: *"Nhóm hộ chừ không biết tiền của ai", "quá trình tham gia mua bán có hai người"*. Đối với băng thu hình phỏng vấn nhóm hộ về diễn tiến việc mua bán rừng do phóng viên Đài truyền hình Quảng Trị cung cấp cho Luật sư và đã giao nộp cho Toà án, được trình chiếu tại phiên toà hôm nay, cả 03 người trong nhóm hộ đều thừa nhận hình ảnh lời nói của mình mà không hề có bất kỳ ý kiến phản đối nào.

Ông Cương thừa nhận việc Độ giao bản photo giấy nhận tiền cho Cương vào khoảng tháng 8/2009, vào thời điểm hai bên Hồng, Độ bắt đầu mâu thuẫn xảy ra tranh chấp đòi hỏi giấy của nhau (theo giấy xác nhận mà ông Cương viết về thời gian nhận giấy photo). Thực tế hành vi giao nhận tiền 250 triệu xảy ra giữa ông Cương và Hồng thì tại sao lại ghi vào giấy là nhận tiền của anh Hoàng Độ ?! Chưa hết, giấy nhận tiền lại được đưa đi chứng thực tại UBND xã Hải Thượng vào ngày 20/2/2008. Vấn đề đặt ra là tại sao giấy này được lập vào năm 2007 nhưng đến năm 2008 mới được đưa đi chứng thực. Việc chứng thực này trái với ***Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007*** của Chính phủ quy đinh về thủ tục chứng thực chữ ký được quy định tại ***khoản 2, Điều 17***: “*Người yêu cầu chứng thực phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực”.* Trái lại, Giấy xác nhận ngày 5.9.2009 lại do tất cả thành viên nhóm hộ đến ký trước mặt UBND xã Hải Thượng khi họ đến yêu cầu chứng thực, đảm bảo đầy đủ giá trị pháp lý thì cần phải được thừa nhận nội dung được ghi trong giấy xác nhận đó.

+ ***Giấy bán rừng trồng ngày 22/8/2009*** do ông Độ một mình về ký với nhóm hộ ông Xuân ký khiến tranh chấp xảy ra. Chính nhóm hộ về mặt ý thức chủ quan là bán cho cả 2 người và cả nhóm hộ đều khai rằng không biết số tiền 250 triệu là của ai. Ý thức của nhóm hộ phù hợp với những lời khai và chứng cứ khách quan khác như đã nêu trên thì tại sao gọi là nhầm tưởng 2 người làm ăn mua bán chung với nhau như bản kết luận điều tra và cáo trạng đã nêu. Chính việc khai nhầm tưởng làm ăn chung đã khẳng định về mặt ý chí là nhóm hộ bán cho cả Hồng và Độ.

* 1. ***Về tội danh “Trộm cắp tài sản” mà Viện kiểm sát đã truy tố***

Theo Cáo trạng, Viện kiểm sát nhận định ông Hoàng Trọng Độ là chủ sở hữu các lô rừng nói trên, và hành vi khai thác của Đào Thị Hồng tuy công khai với những người chung quanh nhưng lại lén lút với chủ sở hữu là ông Hoàng Trọng Độ để chiếm đoạt tài sản; từ đó, Viện kiểm sát đã viện dẫn khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự để truy tố Đào Thị Hồng phạm tội Trộm cắp tài sản.

Chúng tôi cho rằng, Viện kiểm sát truy tố như trên là hoàn toàn không có cơ sở. Bởi những lập luận sau đây:

**Thứ nhất, về quan hệ sở hữu**

Với nội dung vụ việc đã được trình bày ở trên (như lời khai của bị cáo, của nhóm hộ về việc Đào Thị Hồng và Hoàng Trọng Độ đã tiến hành xem thực địa rừng, rồi thỏa thuận giao dịch mua bán rừng, cùng các chứng từ xác nhận việc giao dịch này như Giấy nhận tiền ngày 25/9/2007, Giấy xác nhận ngày 05/9/2007) có thể xác định được lô rừng của nhóm hộ ông Hồ Thanh Xuân được Đào Thị Hồng và Hoàng Trọng Độ mua chung. Do khi lập Giấy bán rừng trồng ngày 22/8/2009 đứng riêng một mình tên Độ, nên ngày 05/9/2009 nhóm hộ mới viết Giấy xác nhận bán chung cho cả hai người. Trong quá trình điều tra Hồng luôn chứng minh là đồng sở hữu lô rừng của nhóm hộ ông Xuân với nguồn tiền mà Hồng vay ngân hàng. Hồng cũng đã có đơn khởi kiện tranh chấp dân sự với Hoàng Trọng Độ đến cơ quan công an và Tòa án huyện Hải Lăng yêu cầu huỷ hợp đồng ngày 22/8/2009 được lập giữa ông nhóm hộ ông Xuân và Độ. Đây là một tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản.

Thế nhưng, Cơ quan điều tra vẫn khởi tố vụ án hình sự về tội trộm cắp tài sản liên quan đến lô rừng này, và trong hầu hết biên bản lấy lời khai của những người làm chứng, bị can, người bị hại đều tập trung vào diễn biến của quá trình tham gia mua bán của Hồng, Độ với nhóm hộ ông Hồ Thanh Xuân nhằm chứng minh quyền sở hữu lô rừng mà Hồng đã khai thác là của Độ. Để làm điều này, Công an và Viện kiểm sát đã thiếu khách quan khi cố gắng chứng minh Giấy nhận tiền, giấy bán rừng cho Độ là hợp pháp đúng pháp luật và là tài liệu chứng minh quyền sở hữu của Độ. Trong khi đó, vẫn có một văn bản *hợp pháp* khác là ***Giấy xác nhận ngày 05/9/2009*** với nội dung xác nhận quyền sở hữu chung của cả hai người Độ và Hồng. Như vậy, sau khi khởi tố vụ án vẫn chưa xác định được ai là chủ sở hữu lô rừng nói trên. Do đó, việc cơ quan điều tra tiến hành các biện pháp xác minh quyền sở hữu lô rừng này là hoàn toàn không đúng thẩm quyền. Theo quy định tại **khoản 2 Điều 25 Bộ luật TTDS**, khi các bên có *tranh chấp về quyền sở hữu tài sản thì thẩm quyền giải quyết thuộc cơ quan Tòa án*. Mặt khác, **khoản 4, Điều 76 BLTTHS** quy định về xử lý vật chứng thì *“trong trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng thì giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự".*

Điều đáng nói hơn nữa là tại sao Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cố gắng chứng minh và xác định ông Độ là chủ sở hữu của lô rừng đang tranh chấp nói trên *trong khi việc mua bán vẫn đang trong thời gian thực hiện hợp đồng* và xảy ra tranh chấp. Bên mua vẫn chưa giao hết tiền, và bên bán vẫn chưa giao rừng và làm bảng kê vận chuyển cho bên mua tại kiểm lâm. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước (Kiểm lâm, UBND) thì nhóm hộ vẫn là chủ của lô rừng nói trên và phải chịu thiệt hại về việc cháy rừng cũng như các trách nhiệm đối với nhà nước về hậu quả, theo như lời khai của ông Hồ Thanh Xuân - đại diện nhóm hộ. Và ngay tại phiên toà hôm nay, các thành viên nhóm hộ thừa nhận nếu thiệt hại về lô rừng này xảy ra thì họ phải gánh chịu. **Điều 168 BLDS** quy định*“Thời điểm chuyển quyền sở hữu đối với tài sản là động sản có hiệu lực kể từ thời điểm động sản được chuyển giao, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”*. Như đã nói trên, lô rừng này vẫn chưa được chuyển giao cho bên bán.

**Thứ hai, về hành vi lén lút:**

Một yếu tố bắt buộc để cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” đó là hành vi của người phạm tội phải là hành vi lén lút. Thế nhưng khi khai thác rừng, Đào Thị Hồng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục, hồ sơ thông thường mà một chủ rừng khai thác thường phải làm. Cụ thể, ngày 12/9/2009 Hồng đã tiến hành làm lễ cúng rừng, có báo và nhờ ông Xuân đại diện nhóm hộ lên cúng rừng để Hồng khai thác nhưng ông Xuân không lên với lý do là “ngày trùng tang”. Ngày 14/9/2009 Hồng mới bắt đầu cho người khai thác. Quá trình khai thác diễn ra ban ngày với sự tham gia của nhiều người được Hồng thuê cưa cắt cũng như vận chuyển. Những người được Hồng thuê khai thác hầu hết đều là những người khai thác thường xuyên cho Hồng và Độ. Việc khai thác không phải một lúc, một giờ mà diễn ra nhiều ngày, tốc độ khai thác cũng hết sức bình thường chứ không có gì gấp gáp hay nhanh chóng, do đó phía ông Độ hoàn toàn có thể biết việc khai thác này bất cứ lúc nào.

Rõ ràng, Hồng khai thác rừng một cách công khai bình thường chứ không hề có gì lén lút, hơn nữa nếu nói lén lút thì lén lút với ai trong khi chủ sở hữu vẫn đang là nhóm hộ của ông Xuân và nhóm hộ này phải chịu mọi thiệt hại, trách nhiệm mọi vấn đề xảy ra đối với lô rừng khi rừng bị cháy. Đối với nhóm hộ ông Xuân, trước khi khai thác rừng thì Hồng đã báo cho ông Xuân biết rằng mình khai thác và mời ông lên làm lễ cúng rừng!

Ngoài ra, xét về hành vi lén lút, ngay trong văn bản kiến nghị của mình, quan điểm của luật sư phía người bị hại cũng không đồng tình hành vi của Hồng ở đây có dấu hiệu lén lút mà *hoàn toàn công khai*.

**Thứ ba, về ý thức chủ quan:**

Hồng không hề có ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác, vì ý thức chủ quan của Hồng là khai thác hết lô rừng do cho rằng lô rừng đó là của mình, nhằm mục đích để lấy tiền trả cho ngân hàng vì trước đó đã vay tiền Ngân hàng để trả cho nhóm hộ. Như đã phân tích ở trên, tại sao phải lén lút và lén lút với ai trong khi nhóm hộ ông Xuân vẫn đang là chủ sở hữu và chịu thiệt hại, trách nhiệm mọi vấn đề xảy ra đối với lô rừng khi rừng bị cháy.

Hành vi khai thác rừng của Đào Thị Hồng là công khai, không lén lút và không có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác mà bản chất là một tranh chấp về quyền sở hữu lô rừng cần được giải quyết bằng một vụ án dân sự.

1. **Kết luận**

*Kính thưa Hội đồng xét xử*

Qua xét hỏi công khai tại phiên toà và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định: Bị cáo Đào Thị Hồng thực hiện việc khai thác rừng là công khai, không lén lút và không có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hải Lăng truy tố bị cáo Đào Thị Hồng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là không có căn cứ.

**Khoản 2 Điều 107 BLTTHS** quy định rõ: *“Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây: Hành vi không cấu thành tội phạm”*

Vì vậy, với tư cách là người bào chữa cho bị cáo, tôi trân trọng kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 107 Bộ luật Tố tụng Hình sự ***tuyên bố bị cáo không phạm tội "Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như cáo trạng VKS truy tố.***

Trên cơ sở đó, đề nghị HĐXX tuyên trả cho Đào Thị Hồng số gỗ mà bà Hồng đã khai thác bị cơ quan công an thu giữ và số tiền mà cơ quan công an đã xử lý bán gỗ trong quá trình giải quyết vụ án.

Trân trọng cám ơn Hội đồng xét xử đã chú ý lắng nghe./

**\***

**IV. KẾT QUẢ VỤ ÁN**

 **(Giá trị của bài bào chữa đối với phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm)**

Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2010/HSST ngày 30/8/2010 của Toà án nhân dân huyện Hải Lăng đã chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo Đào Thị Hồng, với nhận định rằng của bản án như sau:

*"Ý kiến tranh luận của các luật sư bào chữa cho bị cáo Đào Thị Hồng để nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ cần được chấp nhận".*

*“Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng truy tố bị cáo Đào Thị Hồng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 là chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm và không có cơ sở. Vì hành vi của khai thác rừng của Hồng là công khai, không lén lút và không có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác mà đây là một vụ án dân sự tranh chấp về lô rừng nói trên”,*

Tuyên xử:

* Tuyên bố bị cáo Đào Thị Hồng không phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
* Tuyên trả 4m3 gỗ rỗng trị giá 2.436.000đồng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hải Lăng và số tiền 42.787.000đồng, hiện đang ở tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Hải Lăng cho bị cáo Đào Thị Hồng;
* Bị cáo Đào Thị Hồng không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

**Bản án hình sự phúc thẩm số 47/2010/HSPT ngày 18/11/2010 của TAND tỉnh Quảng Trị**

Sau khi có bản án sơ thẩm, người bị hại Hoàng Trọng Độ kháng cáo toàn bộ bản án với lý do Đào Thị Hồng có hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Độ.

VKSND huyện Hải Lăng kháng nghị yêu cầu TAND tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Bản án phúc thẩm chấp nhận đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo, y án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Đào Thị Hồng không phạm tội. Không chấp nhận đề nghị của VKSND tỉnh Quảng Trị và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người bị hại là huỷ án sơ thẩm, giao về điều tra lại.

Sau khi có bản án phúc thẩm, VKSND tỉnh Quảng Trị có Văn bản số 800/BC-VKS P3 ngày 06/12/2010 đề nghị VKSND tối cao kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng huỷ 02 bản án sơ thẩm và phúc thẩm nói trên để điều tra lại. Tuy nhiên, thời hạn kháng nghị Giám đốc thẩm đã hết nhưng vẫn không có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của cấp có thẩm quyền.

Bà Đào Thị Hồng tiếp tục khởi kiện yêu cầu bồi thường oan sai. Vụ kiện đã được TAND huyện Hải Lăng thụ lý.

**\* Kết quả giải quyết bồi thường oan sai:**

**Bồi thường oan sai gấp 10 lần số tiền bị truy tố tội trộm cắp.**

Bị đơn là VKSND huyện Hải Lăng tỉnh Quảng Trị bị TAND tỉnh Quảng Trị tuyên buộc phải bồi thường hơn 695 triệu đồng cho nguyên đơn là bà Đào Thị Hồng (46 tuổi, chủ doanh nghiệp khai thác rừng trồng Hùng Linh, thôn Đại An Khê, xã Hải Thượng, H.Hải Lăng, Quảng Trị)tại phiên toà dân sự sơ thẩm vào sáng ngày 25/01/2013.

Năm 2010, bà Hồng bị Viện KSND H.Hải Lăng truy tố về tội [“trộm cắp tài sản](http://www.thanhnien.com.vn/pages/20121015/dung-gai-ban-dam-de-trom-tai-san.aspx)” trị giá hơn 60 triệu và bị Công an H.Hải Lăng bắt tạm giam 81 ngày trước khi cho tại ngoại.

|  |
| --- |
| Một phụ nữ “thắng kiện” Viện KSND huyện 695 triệu đồngBà Đào Thị Hồng, nguyên đơn trong vụ kiện đòi Viện KSND H.Hải Lăng bồi thường oan sai |

Tuy nhiên, tại các phiên sơ thẩm (8.2010) và phúc thẩm (11.2010), lần lượt TAND H.Hải Lăng và TAND tỉnh Quảng Trị đều tuyên bà Hồng vô tội.

VKSND huyện Hải Lăng chấp nhận bồi thường hơn 120 triệu đồng, gấp đôi giá trị tài sản mà Hồng bị truy tố trộm cắp. Không đồng ý, Hồng đã khởi kiện ra TAND huyện Hải Lăng.

Kết quả, TAND tỉnh Quảng Trị đã ra bản án tuyên buộc VKSND huyện Hải Lăng phải bồi thường hơn 695 triệu đồng, hơn 10 lần giá trị tài sản mà VKSND huyện Hải Lăng đã truy tố Hồng phạm tội. Đáng ghi nhận là bản án đã tuyên buộc VKSND huyện Hải Lăng phải bồi thường 30 triệu đồng chi phí mời mời luật sư bào chữa cho bà Hồng.

Đồng thời, khôi phục danh dự cho bà bằng cách công khai xin lỗi tại nơi cư trú và đăng lời xin lỗi trên một tờ báo Trung ương và báo Quảng Trị trong 3 số liên tiếp. Thông tin từ:

**Ths.Ls. Nguyễn Văn Phước - Văn phòng Luật sư Huế**

**31. Tố Hữu, thành phố Huế - 0543.816818 - 0914 172 574**

**Email:** **huelaw@vnn.vn**[**www.huelaw.com.vn**](http://www.huelaw.com.vn)

**Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

**\***

Rõ ràng, từ quá trình tham gia tố tụng và thao tác kỹ năng hành nghề, kết quả bào chữa của LS Nguyễn Văn Phước thật đáng ghi nhận, bởi luật sư đã nhận diện và đi theo định hướng đúng đắn khi xác định đây chỉ là một vụ tranh chấp tài sản thông thường có thể giải quyết bằng con đường dân sự. Hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra cho thấy, thực tế là khi hay tin ông Hoàng Trọng Độ có đơn tố cáo mình trộm cắp gỗ rừng trồng, chính bà Đào Thị Hồng đã có đơn khởi kiện ra Tòa dân sự huyện Hải Lăng về vụ việc này, nhưng cơ quan điều tra Công an huyện Hải Lăng vẫn khẳng định đây là vụ án hình sự và một mực tiến hành theo hướng đó khiến vụ việc càng thêm rối rắm, mất quá nhiều thời gian, công sức của các cơ quan bảo vệ pháp luật và nhất là đã gây ra bao nỗi oan khiên cho người vô tội. Như thế, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đã hình sự hoá một quan hệ dân sự - một hiện tượng pháp lý tiêu cực vốn không được chấp nhận thực tiễn áp dụng pháp luật và trong đời sống xã hội.

Về bản chất, “hình sự hoá” là việc làm oan, sai đối với người vô tội. Nhưng một vụ việc hình sự hóa quan hệ dân sự không chỉ là việc làm oan khiên chỉ một người vô tội hay xâm hại một đối tượng cụ thể, mà quan trọng hơn, nó để lại hậu quả khôn lường là sẽ làm giảm lòng tin của nhân dân vào nền công lý nước nhà. Bởi lẽ, tình trạng này khiến cho các cơ quan bảo vệ công lý, chỗ dựa của công dân, các cá nhân, tổ chức hoạt động hợp pháp thì nay lại trở thành người xâm hại đến lợi ích hợp pháp của họ. Một khi niềm tin của nhân dân vào nền công lý nước nhà bị lung lay, bị hồ nghi thì làm sao đảm bảo được nền pháp quyền của dân, do dân và vì dân.

Do đó, để loại bỏ “căn bệnh hiểm nghèo” này ra khỏi đời sống xã hội, thiết nghĩ từ kết quả vụ án này, cần phải có một nhận thức đúng đắn cũng như những giải pháp khắc phục thiết thực. Đó là:

- Cần phải có một sự đầu tư, nghiên cứu thích đáng của các chuyên gia, các đối tượng am hiểu pháp luật, và các đối tượng bảo vệ pháp luật… để tìm ra những nguyên nhân của tình trạng này.

- Việc tìm ra những nguyên nhân đó đồng thời phải đi đôi với việc đề ra các biện pháp khắc phục hiệu quả.

- Cần thiết phải hoàn thiện, đồng bộ và thống nhất cách hiểu đối với các quy phạm pháp luật; đồng thời phải thường xuyên tập huấn, nâng cao nghiệp vụ đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật để hạn chế những sự thiếu chính xác trong việc đánh giá tính chất của hành vi vi phạm pháp luật phi hình sự dẫn đến định tội sai.

- Bên cạnh đó, cũng cần có sự xử lý nghiêm khắc cần thiết đối với các cá nhân, tổ chức, các cơ quan tiến hành tố tụng do tiêu cực mà cố tình đánh giá sai tính chất pháp lý của hành vi bị “hình sự hoá”…